

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/10/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	19	0		19	0	
2		P3+TD2+RP3	7:25	5+12+0	0+0+0		0+10+12	0+0+0	
3		SAVR+RC8	7:25	14+0	0+0		21+1	0+0	
4		CTK3+P11+TD5	9:25	1+19+1	0+0		1+19+2	0+0	
5		AMD+TGTH4+TGTH5	9:25	8+2+1	0+0+0		4+11+7	0+0+0	
6		P5+AMD+HST	11:25	12+6+0	0+0+0		0+14+8	0+0+0	

TTBDSX

# FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:T.UNG	CREW: HOÀI - XTRƯỜNG	ETA: 11:00
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4036	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐỖ HOANG TRUNG ĐỨC	T.UNG	55	1	5	2	20	70	T-TIN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN ĐỨC	T.UNG	41	1	8	2	17	73	T-TIN	Vietnamese
3	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	45-46	2	12			75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG SƠN	T.UNG	47	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ANH TUẤN	T.UNG	58	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ THANH TÙNG	T.UNG	59	1	4			92	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐA KHA	T.UNG	61	1	3			88	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐƯỜNG NGỌC HIỀN	T.UNG	49	1	7	4	73	66	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	44	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ XUÂN ĐẠT	T.UNG	50-51	2	12			83	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN CƯỜNG	T.UNG						68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	54	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐAN	T.UNG						62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY DU	T.UNG	52-53	2	8			95	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC SÙNG	T.UNG	60	1	2			52	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ DUY PHƯƠNG	T.UNG						63	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	T.UNG	48	1	5			64	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	T.UNG	17	1.209	17	88	8	110	19		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>1.209</b>	<b>17</b>	<b>88</b>	<b>8</b>	<b>110</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.209</b>		<b>88</b>		<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.407 KGS

VSP REP.



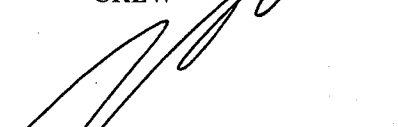
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.



LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW



PHẠM NGỌC HOÀI  
HÀ XUÂN TRƯỜNG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P3 - TD2 - RP3	CREW: TUYỀN - NPHÚ - HIẾU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4038	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN VĂN HUY	P3	95	1	14			78	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGHI	P3	91-92	2	15			65	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ THANH BÌNH	P3	90	1	7	3	67	65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN TIỆP	P3	93-94	2	19	1	14	77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LOAN	P3	89	1	5			46	PSV	Vietnamese
6	LÊ QUANG CƯỜNG	TD2	70	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH ANH	TD2	74	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ ANH QUÂN	TD2	71	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC QUÂN	TD2	75-76	2	6			66	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	73	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN MẠI NAM	TD2	25	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
12	NGO QUANG HUNG	TD2	31-32	2	15			77	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THANH GIANG	TD2	24	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
14	TRƯỜNG ĐỨC MẠNH	TD2	72	1	5	4	80	78	KHOAN	Vietnamese
15	TRINH DUY THÀNH	TD2	21	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	26	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN DỤC NGHĨA	TD2	22-23	2	19			71	DMC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P3	5	331	7	60	4	81	0		
2	TD2	12	881	15	83	4	80	10		
3	RP3	0	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		17	1.212	22	143	8	161	22		
WEIGHT KG			1.212		143		161			

GRAND TOAL: 1.516 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN

ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:SAVR - RC8	CREW: LINH - TTRUNG - VŨ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4041	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM QUANG TRUNG	SAVR	76	1	12			78	D-HANH	Vietnamese
2	EREMEEV EVGENIY NIKOLAEVICH	SAVR	72	1	10			99	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN HOANG LONG	SAVR	77-78	2	16			86	KHOAN	Vietnamese
4	DOROSHENKO ARTEM	SAVR	74-75	2	12			75	AMNGR	Russian
5	MUSIN ALEKSEI	SAVR	85-86	2	12			88	AMNGR	Russian
6	DOMKIN EVGENII	SAVR	79-80	2	14			90	AMNGR	Russian
7	AREVKOVA ANASTASIIA	SAVR	81-82	2	11			91	AMNGR	Russian
8	REBROV ILIA	SAVR	83-84	2	20			81	AMNGR	Russian
9	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	SAVR	73	1	11			69	DVL	Vietnamese
10	PHẠM XUÂN HUY	SAVR	93-94	2	17			77	DVL	Vietnamese
11	RIZKI AKHWAN	SAVR	89-90	2	20			80	BAKER HUC	Indonesian
12	LÊ CÔNG TRĂNG	SAVR	81-82	2	18			65	BAKER HUC	Vietnamese
13	LUCIAN NG FU LIANG	SAVR	87-88	2	19			110	BAKER HUC	Malaysian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	13	1.089	23	192	0	0	21		
2	RC8	0	0	0	0	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>13</b>	<b>1.089</b>	<b>23</b>	<b>192</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.089</b>		<b>192</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.281 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH  
NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO:CTK3 - P11 - TD5	CREW: TUYỀN - NPHÚ - HIẾU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4039	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VAN ĐAM	P11	15	1	6			86	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN THẾ ĐĂNG	P11	04-05	2	13			73	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN VĂN LÊN	P11	14	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
4	GUSEINOV MAXIM	P11	03	1	9			83	KHOAN	Russian
5	NGUYEN TRỌNG THUY	P11	06	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN MẠNH TINH	P11	10	1	8			71	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN HỒNG NGỰ	P11	09	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN SƠN	P11	02	1	7			57	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VIET MINH	P11	19	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
10	NGÔ HỒNG GIANG	P11	18	1	8			71	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC ỒN	P11	23	1	5			54	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN TUẤN LONG	P11	22	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
13	THẠCH QUỐC DO	P11	08	1	7			86	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN VĂN THANH	P11	01	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
15	SADOVNICHENKO D.	P11	07	1	13			105	KHOAN	Russian
16	LE VAN QUÂN	P11	16-17	2	18			72	KHOAN	Vietnamese
17	VU HUU KE	P11	11-13	3	16			82	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẶNG XUÂN ĐƯƠNG	P11	24	1	8			70	PSV	Vietnamese
19	BUI ĐỨC ANH	P11	21	1	8			69	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN CUNG	P11	20	1	6			55	PSV	Vietnamese
21	ĐÀO VĂN DÂN	P11	27	1	5			64	PSV	Vietnamese
22	PHAM VAN SANG	P11	25-26,28	3	19			67	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	0	0	0	0	0	0	1		+1 NB GHE PHU (DINH HONG THANG)
2	P11	22	1.558	28	177	0	0	19		
3	TD5	0	0	0	0	0	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.558</b>	<b>28</b>	<b>177</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.558</b>		<b>177</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN  
ĐÀO NGỌC PHÚ





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: XANH-2	TO: AMD - TGTH4 - TGTH5	CREW: LINH - TTRUNG - VŨ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4042	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN TIÊN DUÀN	AMD	09-10	2	12			65	SOLAR	Vietnamese
2	CHU VĂN HAO	AMD	08	1	7	1	7	72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRỊNH VĂN PHA	AMD	03	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TRUNG KIẾN	AMD	02	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN QUANG	AMD	01	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HỮU ĐẶNG	AMD	07	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HỒNG THAI	AMD	04	1	2			63	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	05	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO SY DUC	TGTH4	76-77	2	18	1	7	90	HLJOC	Vietnamese
10	ĐÀO CÔNG BÌNH	TGTH4	73	1	13	1	10	69	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO VĂN THAO	TGTH5	54	1	9			66	HLJOC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	8	569	9	50	1	7	4		
2	TGTH4	2	159	3	31	2	17	11		
3	TGTH5	1	66	1	9	0	0	7		
<b>TOTAL</b>		<b>11</b>	<b>794</b>	<b>13</b>	<b>90</b>	<b>3</b>	<b>24</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>794</b>		<b>90</b>		<b>24</b>			

GRAND TOAL: 908 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGÔ VĂN LINH   
 NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P5 - AMD - HST	CREW: HÙNG - SƠN - DTÙNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4040	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRỊNH NGỌC THẢO	P5	92-93	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC LỢI	P5	85-86	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ QUÝ ĐƠN	P5	82-83	2	15			71	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG TẤT HẠNH	P5	97-98	2	19	1	16	66	XAYLAP	Vietnamese
5	HA MẠNH HÙNG	P5	87	1	14			64	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ ANH DŨNG	P5	01	1	11	1	23	77	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN THANH NAM	P5	90	1	7	1	15	74	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ TIẾN DŨ	P5	80-81	2	13			65	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC ĐIỀU	P5	96	1	12	2	15	78	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐẶNG THANH	P5	89	1	11			61	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI NGỌC HOÀNG	P5	88	1	19			62	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NAM	P5	94-95	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN VAN CAN	P5	84	1	6			68	PSV	Vietnamese
14	TRỊNH VĂN THAI	AMD	15	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	17	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
16	TẶNG VĂN BA	AMD	13-14	2	10			76	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ THANH TÙNG	AMD	12	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	AMD	11	1	5			74	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TÀN VƯƠNG	AMD	16	1	7			68	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	13	885	19	186	5	69	0		
2	AMD	6	406	7	40	0	0	14		
3	HST	0	0	0	0	1	2	8		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.291</b>	<b>26</b>	<b>226</b>	<b>6</b>	<b>71</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.291</b>		<b>226</b>		<b>71</b>			

GRAND TOAL: 1.588 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG  
PHẠM THÁI SƠN

